

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Cho cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-47
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	16-47

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102121331 ngày 29 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 14 tháng 02 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 48/GP-UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung, Giấy phép điều chỉnh bổ sung mới nhất số 61/GPĐC-UBCK cấp ngày 04 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ UỶ BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hải Châu	Chủ tịch	
Ông Vũ Mạnh Tiến	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Hồng Hải	Thành viên	
Bà Vũ Hải Anh	Thành viên	
Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2025
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2025
Ông Nguyễn Thành Chung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2025
Ông Phạm Hồng Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2025
Ông Trần Đình Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2025
Ông Hoàng Đôn Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2025
Ông Nguyễn Xuân Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 01 năm 2025
Bà Vũ Thị Thanh Hằng	Giám đốc tài chính	
Ông Phạm Hồng Minh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 01 năm 2025
Ông Lê Minh Khuê	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2025
Ông Nguyễn Phi Long	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 04 năm 2025

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Bà Đỗ Thị Hồng Hải	Chủ tịch	
Bà Vũ Hải Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 05 năm 2025
Ông Nguyễn Hải Châu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 05 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này là ông Nguyễn Thanh Hải - Tổng Giám đốc.

Bà Vũ Thị Thanh Hằng - Giám đốc tài chính được ông Nguyễn Thanh Hải ủy quyền ký Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty theo Giấy ủy quyền số 46/2025/GUQ/TGD ngày 31 tháng 07 năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Thị Thanh Hằng

Giám đốc tài chính

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS được lập ngày 12 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.276.720.600.218	2.409.371.761.105
110	I. Tài sản tài chính		2.273.434.907.993	2.403.226.562.625
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	98.466.069.634	108.953.346.950
111.1	1.1 Tiền		58.466.069.634	108.953.346.950
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	-
112	3. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5a	777.829.850.520	825.915.640.750
114	4. Các khoản cho vay	5c	130.014.525.131	210.791.738.976
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5b	30.310.000.000	30.310.000.000
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(19.559.647.355)	(8.814.893.936)
117	7. Các khoản phải thu	7	1.254.414.482.054	1.233.361.473.184
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		1.254.331.632.739	1.233.361.360.184
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		82.849.315	113.000
117.3	7.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		82.849.315	113.000
118	8. Trả trước cho người bán	8	2.691.088.900	5.436.028.690
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	1.833.995.608	2.426.236.898
122	10. Các khoản phải thu khác	7	147.543.501	58.991.113
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(2.713.000.000)	(5.212.000.000)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		3.285.692.225	6.145.198.480
131	1. Tạm ứng		763.796.431	3.962.574.264
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	10a	1.856.943.707	1.517.672.129
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11a	65.000.000	65.000.000
136	4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	599.952.087	599.952.087
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		53.330.950.452	57.585.427.191
220	I. Tài sản cố định		24.890.598.251	25.929.153.951
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	17.432.360.128	17.454.864.326
222	- Nguyên giá		42.294.632.742	43.010.768.731
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(24.862.272.614)	(25.555.904.405)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	7.458.238.123	8.474.289.625
228	- Nguyên giá		25.280.008.497	25.280.008.497
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.821.770.374)	(16.805.718.872)
250	II. Tài sản dài hạn khác		28.440.352.201	31.656.273.240
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11b	2.465.039.400	2.853.090.040
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10a	5.975.312.801	7.673.967.715
253	3. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	41.2	-	1.129.215.485
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	20.000.000.000	20.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.330.051.550.670	2.466.957.188.296

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		360.886.726.991	499.394.898.126
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		355.427.787.255	499.394.898.126
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	329.240.678.649	461.210.935.801
312	1.1 Vay ngắn hạn		329.240.678.649	461.210.935.801
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	384.528.767	518.070.657
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	18	1.471.546.850	1.803.107.336
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.211.900.000	434.500.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	1.900.789.861	2.558.490.628
323	6. Phải trả người lao động		474.783.356	601.637.868
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		353.397.823	318.388.222
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	10.636.273.228	22.799.566.166
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	22	1.364.360.395	1.270.165.525
331	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.389.528.326	7.880.035.923
340	II. Nợ phải trả dài hạn		5.458.939.736	-
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	41.2	5.458.939.736	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.969.164.823.679	1.967.562.290.170
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	1.969.164.823.679	1.967.562.290.170
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.648.006.180.000	1.648.006.180.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		1.648.006.180.000	1.648.006.180.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.648.006.180.000	1.648.006.180.000
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		321.158.643.679	319.556.110.170
417.1	2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		301.267.684.538	326.017.771.915
417.2	2.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		19.890.959.141	(6.461.661.745)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.330.051.550.670	2.466.957.188.296

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		164.800.618	164.800.618
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	24	318.170.450.000	412.267.100.000
009	3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	25	1.530.000	1.530.000
012	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	26	236.380.270.000	209.680.270.000
013	5. Tài sản tài chính được hưởng quyền của công ty chứng khoán	27	-	280.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	28	3.843.985.440.000	5.044.932.850.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		2.885.971.700.000	4.115.674.120.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		61.271.000.000	71.291.000.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		780.299.020.000	826.078.300.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		73.638.960.000	5.687.260.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		42.804.760.000	26.202.170.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	29	18.136.520.000	18.136.520.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		17.986.520.000	17.986.520.000
022.4	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		150.000.000	150.000.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	30	122.376.020.000	24.719.800.000

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
026	4. Tiền gửi của khách hàng	31	126.891.363.736	39.405.195.605
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		126.890.363.736	39.404.195.605
030	4.1 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.000.000	1.000.000
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	126.890.363.736	39.404.195.605
031.1	5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		126.831.916.400	38.972.273.265
031.2	5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		58.447.336	431.922.340
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	33	1.000.000	1.000.000


Bùi Thị Yến
Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng
Kế toán trưởngVũ Thị Thanh Hằng
Giám đốc tài chính

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà
Trung, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	96.224.171.603	86.303.215.917
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL 35.a)	4.088.180.044	198.594.012.205
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL 35.b)	83.829.501.844	7.132.930.563
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL 35.c)	8.306.489.715	(119.423.726.851)
03	1.2	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu 35.c)	10.956.333.523	12.717.410.243
06	1.3	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	7.671.827.394	11.133.132.178
09	1.4	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	815.704.751	880.397.083
10	1.5	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	2.035.454.545	291.000.000
11	1.6	Thu nhập hoạt động khác	13.648.000	186.852.000
20	Cộng doanh thu hoạt động		117.717.139.816	111.512.007.421
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	61.278.810.749	11.679.056.955
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL 35.a)	10.390.085.012	483.875.000
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL 35.b)	50.888.725.737	11.195.181.955
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	8.245.753.419	(428.280.800)
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh	386.213.886	1.157.660.556
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	10.412.533.658	15.851.046.632
30	2.5	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	856.736.033	953.411.844
31	2.6	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	2.224.202.860	2.511.837.467
32	2.7	Chi phí các dịch vụ khác 36	3.020.279.113	7.501.201.270
40	Cộng chi phí hoạt động		86.424.529.718	39.225.933.924
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		37		
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng	1.410.756.318	269.930.446
44	3.2	Doanh thu khác về đầu tư	16.585.892.555	9.722.646.889
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		17.996.648.873	9.992.577.335

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ
06 tháng đầu năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	38		
52	4.1 Chi phí lãi vay		17.046.025.180	14.781.111.254
60	Cộng chi phí tài chính		17.046.025.180	14.781.111.254
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	39	22.527.128.263	27.499.253.713
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		9.716.105.528	39.998.285.865
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	7.1 Thu nhập khác		12.733.750	25.363.637
72	7.2 Chi phí khác	40	679.298.794	16.722.279
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(666.565.044)	8.641.358
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		9.049.540.484	40.006.927.223
91	8.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(23.891.235.623)	44.069.178.615
92	8.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		32.940.776.107	(4.062.251.392)
100	IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	41	6.588.155.221	7.881.189.845
100.1	9.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	41.1	-	8.693.640.122
100.2	9.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	41.2	6.588.155.221	(812.450.277)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		2.461.385.263	32.125.737.378
500	XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	11.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	44	15	195

Bùi Thị Yến
Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thanh Hằng
Giám đốc tài chính

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*06 tháng đầu năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		9.049.540.484	40.006.927.223
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		26.944.050.127	16.843.005.908
03	- Khấu hao tài sản cố định		3.019.647.712	2.785.469.537
04	- Các khoản dự phòng		8.245.753.419	(428.280.800)
06	- Chi phí lãi vay		17.046.025.180	14.781.111.254
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.367.376.184)	(295.294.083)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		50.888.725.737	11.195.181.955
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		50.888.725.737	11.195.181.955
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(83.829.501.844)	(7.132.930.563)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(83.829.501.844)	(7.132.930.563)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		116.510.502.601	(147.202.216.049)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		81.026.566.338	470.563.698.954
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		80.777.213.845	(29.000.398.487)
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(20.970.272.555)	(719.938.656.186)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(82.736.315)	130.645.740.751
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		1.369.641.290	(389.241.290)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(88.552.388)	1.180.619
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		3.198.777.833	(7.600.190.363)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(11.281.887.592)	(5.255.048.530)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		1.359.383.336	2.024.091.695
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(9.871.997.964)
44	- Lãi vay đã trả		(17.927.430.526)	(13.571.137.093)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(119.999.256)	39.785.967.712
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		35.009.601	(4.824.800)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(657.700.767)	(1.177.417.381)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(126.854.512)	12.446.127
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(39.347.020)	(80.280.858)
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		605.050.000	192.810.000
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(566.358.711)	(3.538.958.955)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		119.563.317.105	(86.290.031.526)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(277.891.455)	(38.555.000)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		786.797.868	25.363.637
65	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.410.756.318	269.930.446
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.919.662.731	256.739.083
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	1. Tiền vay gốc		949.388.791.683	759.418.374.988
73.2	1.1. Tiền vay khác		949.388.791.683	759.418.374.988
74	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.081.359.048.835)	(713.519.843.005)
74.3	2.1. Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(1.081.359.048.835)	(713.519.843.005)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(131.970.257.152)	45.898.531.983
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		(10.487.277.316)	(40.134.760.460)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		108.953.346.950	120.456.160.950
101.1	- Tiền		108.953.346.950	120.456.160.950
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	98.466.069.634	80.321.400.490
103.1	- Tiền		58.466.069.634	80.321.400.490
103.2	- Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	-

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA
KHÁCH HÀNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

06 tháng đầu năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		2.892.439.829.440	4.174.599.204.934
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(2.820.119.654.090)	(4.336.551.531.844)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		4.408.525.484.715	5.889.675.645.032
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(4.393.359.491.932)	(5.749.528.516.676)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		35.957.071.440	15.609.761.249
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(35.957.071.440)	(15.608.641.249)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		87.486.168.133	(21.804.078.554)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		39.405.195.603	154.022.097.537
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		39.405.195.603	154.022.097.537
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		39.404.195.603	65.279.279.037
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	88.741.818.500
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		1.000.000	1.000.000
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	31	126.891.363.736	132.218.018.983
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		126.891.363.736	132.218.018.983
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		126.890.363.736	82.450.987.873
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	49.764.911.110
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		1.000.000	2.120.000

Bùi Thị Yến
Người lậpNguyễn Thị Bích Hằng
Kế toán trưởngVũ Thị Thanh Hằng
Giám đốc tài chính

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2025

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	Thuyết minh		01/01/2024		01/01/2025		06 tháng đầu năm 2024	
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		VND	1.648.006.180.000	1.648.006.180.000	-	-	-	-
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		VND	1.648.006.180.000	1.648.006.180.000	-	-	-	-
2. Lợi nhuận chưa phân phối		VND	304.044.725.536	319.556.110.170	32.125.737.378	1.665.650.453	2.461.385.263	858.851.754
2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		VND	294.718.071.991	326.017.771.915	35.375.538.493	1.665.650.453	(23.891.235.623)	858.851.754
2.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		VND	9.326.653.545	(6.461.661.745)	(3.249.801.115)	-	26.352.620.886	-
TỔNG CỘNG		VND	1.952.050.905.536	1.967.562.290.170	32.125.737.378	1.665.650.453	2.461.385.263	858.851.754

19.890.959.141

1.969.164.823.679

1.982.510.992.461

1.969.164.823.679

Bùi Thị Yến
Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thanh Hằng
Giám đốc tài chính

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà
Trung, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2025

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102121331 ngày 29 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 14 tháng 02 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 48/GP-UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung, Giấy phép điều chỉnh bổ sung mới nhất số 61/GPĐC-UBCK cấp ngày 04 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà Trung, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 1.648.006.180.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 1.648.006.180.000 đồng; tương đương 164.800.618 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 110 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 137 người).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 26 tháng 06 năm 2019 với mã giao dịch là EVS.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Văn phòng Công ty	Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Sài Gòn	Tầng 4, Tòa nhà Bitexco Nam Long Office Building, Số 63A Đường Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Nguyễn Trãi	Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower - Số 19 Đường Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Bà Triệu (*)	Tầng 1, Tòa nhà Minexport, số 28C,D, Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

(*) Chi nhánh không còn hoạt động theo quyết định số 44/QĐ-VSDC ngày 08 tháng 05 năm 2025 của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Ứng trước tiền bán chứng khoán; Môi giới chứng khoán phái sinh; Tự doanh chứng khoán phái sinh; Tư vấn và đầu tư chứng khoán phái sinh.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong 06 tháng đầu năm 2025 thị trường có nhiều biến động, khối lượng giao dịch giảm dẫn đến doanh thu môi giới và doanh thu margin giảm so với cùng kỳ năm trước, đồng thời doanh thu từ hoạt động tự doanh cũng giảm. Ngoài ra giá cổ phiếu giảm dẫn đến chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính tăng so với cùng kỳ năm trước. Đây là những nguyên nhân chính làm cho kết quả kinh doanh trong kỳ giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.5 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dùng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (OTC) tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chi tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Các tài sản khác	02 - 08 năm
- Phần mềm giao dịch	02 - 08 năm

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.11 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và chi phí/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm (nếu có).

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

2.16 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.17 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.18 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm: doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định; doanh thu đầu tư khác.

Chi phí hoạt động tài chính là chi phí lãi vay.

2.19 . Các khoản thuế**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính.

b) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà
Trung, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

c) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	14.191.033	606.258.464.570
- Cổ phiếu	10.490.233	145.336.790.970
- Trái phiếu	3.700.800	460.921.673.600
Của nhà đầu tư	299.049.702	5.739.835.060.150
- Cổ phiếu	298.732.702	5.739.130.218.150
- Chứng khoán khác	317.000	704.842.000
	313.240.735	6.346.093.524.720

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà
Trung, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	349.011.720	1.370.620.605
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	58.117.057.914	107.582.726.345
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	-
	98.466.069.634	108.953.346.950

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết (*)	499.252.266.038	524.349.850.520	543.971.832.376	537.128.640.750
Cổ phiếu chưa niêm yết	251.282.885.800	253.480.000.000	214.780.000.000	215.980.000.000
Cổ phiếu hủy niêm yết	-	-	2.885.800	-
Trái phiếu niêm yết	-	-	72.807.000.000	72.807.000.000
	750.535.151.838	777.829.850.520	831.561.718.176	825.915.640.750

(*) Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định căn cứ giá trị thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 30 tháng 06 năm 2025.

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000
	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

c) Các khoản cho vay

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Hoạt động margin	112.806.635.224	203.329.583.793
Hoạt động ứng trước tiền bán	17.207.889.907	7.462.155.183
	130.014.525.131	210.791.738.976

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

d) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	750.535.151.838	831.561.718.176	777.829.850.520	825.915.640.750	56.692.034.328	100.261.562.468	(29.397.335.646)	(105.907.639.894)	777.829.850.520	825.915.640.750
Cổ phiếu niêm yết	499.252.266.038	543.971.832.376	524.349.850.520	537.128.458.360	54.492.034.328	99.061.562.468	(29.394.449.846)	(105.904.754.094)	537.128.458.360	537.128.458.360
GMA	156.050.000.000	156.050.000.000	210.255.000.000	254.271.000.000	54.205.000.000	98.221.000.000	-	-	210.255.000.000	254.271.000.000
NVB	261.980.075.128	295.394.768.043	253.400.527.800	213.690.441.800	-	-	(8.579.547.328)	(81.704.326.243)	253.400.527.800	213.690.441.800
ACB	21.187.378.748	21.187.378.748	20.892.126.300	22.005.181.200	-	817.802.452	(295.232.448)	-	20.892.126.300	22.005.181.200
PVS	-	16.832.899.778	-	13.336.260.000	-	-	-	(3.516.639.778)	-	13.336.260.000
OGC	38.642.807.018	40.436.065.887	18.858.833.640	21.297.200.500	-	-	(19.783.973.378)	(19.158.863.387)	18.858.833.640	21.297.200.500
DLI	277.550.000	5.999.500.000	367.220.000	4.707.300.000	89.670.000	-	-	(1.292.200.000)	367.220.000	4.707.300.000
MSN	2.383.073	3.590.185.000	2.764.800	3.502.520.000	181.727	-	-	(87.663.000)	2.764.800	3.502.520.000
VHM	2.021.910	3.303.099.384	3.758.300	3.201.960.000	1.736.390	-	-	(101.139.384)	3.758.300	3.201.960.000
VVB	-	961.851.802	-	961.209.600	-	-	-	(642.202)	-	961.209.600
N22	6.406.750.000	-	6.304.375.000	-	-	-	(102.375.000)	-	6.304.375.000	-
HUT	1.325.000.000	-	1.290.000.000	-	-	-	(35.000.000)	-	1.290.000.000	-
VNM	9.777.720.000	-	9.210.400.000	-	-	-	(567.320.000)	-	9.210.400.000	-
PET	1.031.625.000	1.442.500	1.084.500.000	704.200	52.875.000	-	-	(738.300)	1.084.500.000	704.200
MBB	1.147.738.389	1.644.664	1.290.309.600	2.158.600	142.571.211	513.936	-	-	1.290.309.600	2.158.600
Cổ phiếu lẻ	1.421.016.772	172.996.570	1.390.035.080	152.522.460	-	22.246.080	(30.981.692)	(42.537.800)	1.390.035.080	152.704.850
Cổ phiếu hủy niêm yết	2.885.800	2.885.800	-	-	-	-	(2.885.800)	(2.885.800)	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	251.280.000.000	214.780.000.000	253.480.000.000	215.980.000.000	2.200.000.000	1.200.000.000	-	-	253.480.000.000	215.980.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giải trí Việt Media	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	-	-	-	-	55.980.000.000	55.980.000.000
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Khương san	22.300.000.000	10.800.000.000	24.500.000.000	12.000.000.000	2.200.000.000	1.200.000.000	-	-	24.500.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mai Viên	54.000.000.000	54.000.000.000	54.000.000.000	54.000.000.000	-	-	-	-	54.000.000.000	54.000.000.000
Công ty Cổ phần Vina2 Homes	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	-	-	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Chữa sẽ	74.000.000.000	49.000.000.000	74.000.000.000	49.000.000.000	-	-	-	-	74.000.000.000	49.000.000.000
Trái phiếu niêm yết	-	72.807.000.000	-	72.807.000.000	-	-	-	-	-	72.807.000.000
Công ty TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo	-	72.807.000.000	-	72.807.000.000	-	-	-	-	-	72.807.000.000
AFS	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-	-	-	30.310.000.000	30.310.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-	-	-	30.310.000.000	30.310.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-	-	-	30.310.000.000	30.310.000.000
Tổng cộng	780.845.151.838	861.871.718.176	808.139.850.520	856.225.458.360	56.692.034.328	100.261.562.468	(29.397.335.646)	(105.907.639.894)	808.139.850.520	856.225.458.360

Ghi chú:

Nguyên tắc tính và cơ sở tham chiếu để xác định giá trị thị trường: Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán niêm yết đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc năm tài chính. Đối với chứng khoán niêm yết bị luy niếm yết thì giá trị thị trường trong xác định bảng 0. Giá trị thị trường của cổ phiếu chưa niêm yết và trái phiếu chưa niêm yết được xác định theo mệnh giá của các cổ phiếu và trái phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THÊ CHẤP

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	19.559.647.355	8.814.893.936
	19.559.647.355	8.814.893.936

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư (*)	1.254.331.632.739	1.233.361.360.184
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	82.849.315	113.000
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	1.833.995.608	2.426.236.898
Phải thu khác	147.543.501	58.991.113
	1.256.396.021.163	1.235.846.701.195

(*) Trong đó bao gồm:

- Khoản phải thu về bán 16.907 trái phiếu TITCH2124001 của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Thương mại Tiến Trường đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Toàn Xuân Thịnh với số dư nợ gốc tính đến 30/06/2025 là 189.159.599.928 VND (trong đó bao gồm tiền gốc là 169.554.042.740 VND và lãi chậm trả là 19.605.557.188 VND). Khoản công nợ phải thu này được đảm bảo nghĩa vụ thanh toán bởi 22.990.000 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc dân được sở hữu bởi các cổ đông của Ngân hàng này với tổng giá trị theo giá thị trường tại thời điểm 30/06/2025 là 273.581.000.000 VND, bao gồm:

+ Công ty TNHH KY Consultant - bên liên quan của Công ty sở hữu: 18.000.000 cổ phiếu;

+ Bà Vũ Hải Anh - thành viên Hội đồng quản trị Công ty sở hữu: 3.500.000 cổ phiếu;

+ Bà Trần Thị Thu sở hữu: 1.490.000 cổ phiếu.

- Khoản phải thu về bán 59.937 trái phiếu CLACH2124001 và 24.717 trái phiếu CLACH2125002 của Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm đối với Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tiến Thành với số tiền dư nợ tính đến 30/06/2025 là 737.522.389.297 đồng. Khoản công nợ phải thu này được đảm bảo nghĩa vụ thanh toán bằng tổng cộng 73.249.540 cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản, do các cá nhân là cổ đông của công ty sở hữu, với tổng giá trị theo mệnh giá là 732.495.400.000 VND. Cụ thể:

- Bà Tạ Thị Tú Trinh sở hữu: 4.180.000 cổ phần;

- Bà Đinh Thị Thu Vân sở hữu: 153.930 cổ phần;

- Ông Nguyễn Hồng Tuấn sở hữu: 68.915.610 cổ phần.

Bên cạnh đó, nghĩa vụ thanh toán còn được bảo đảm bằng 1.000.000 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB), do bà Trần Thị Thu sở hữu, với tổng giá trị theo mệnh giá là 10.000.000.000 VND.

Tổng giá trị tài sản đảm bảo cho khoản phải thu này tại thời điểm 30/06/2025 là 744.395.400.000 VND.

- Khoản phải thu về bán 27.536 trái phiếu LACCH2124001 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hoa Lâm An đối với Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giải trí Việt Media (Công ty sở hữu 15% vốn điều lệ tại công ty này) với số tiền dư nợ tính đến 30/06/2025 là 323.265.263.514 VND (trong đó bao gồm tiền gốc là 306.679.370.959 VND và lãi chậm trả là 16.585.892.555 VND). Khoản công nợ phải thu này được đảm bảo nghĩa vụ thanh toán bởi 35.300.000 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc dân được sở hữu bởi các cá nhân là cổ đông của ngân hàng này với tổng giá trị theo giá thị trường là 420.070.000.000 VND, bao gồm:

+ Bà Tạ Thị Tú Trinh sở hữu: 3.967.943 cổ phiếu;

+ Ông Nguyễn Trần Trung Sơn sở hữu: 16.934.686 cổ phiếu;

+ Ông Nguyễn Minh Tú sở hữu: 1.069.578 cổ phiếu;

+ Ông Nguyễn Trần Minh Quân sở hữu: 2.638.997 cổ phiếu;

+ Bà Lại Thị Thủy Vân sở hữu: 5.412.056 cổ phiếu;

+ Bà Trần Thị Thu sở hữu: 5.276.740 cổ phiếu.

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Dân Hưng Yên	2.689.000.000	5.188.000.000
Trả trước cho người bán khác	2.088.900	248.028.690
	2.691.088.900	5.436.028.690

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà
Trung, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

9 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Tại ngày 01/01	5.212.000.000	4.366.000.000
Hoàn nhập	(2.499.000.000)	(141.700.000)
Tại ngày 30/06	2.713.000.000	4.224.300.000

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	87.367.529	34.282.728
Chi phí thuê văn phòng	372.011.640	533.288.180
Chi phí bảo trì phần mềm	726.535.000	333.753.904
Chi phí thuê đường truyền	322.342.162	223.848.074
Chi phí bảo hiểm sức khỏe	35.976.476	275.763.434
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	312.710.900	116.735.809
	1.856.943.707	1.517.672.129

b) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.407.056.283	486.336.511
Chi phí công cụ dụng cụ, cải tạo khi chuyển sang trụ sở mới 2A Đại Cồ Việt	18.969.167	2.238.918.309
Chi phí công cụ dụng cụ, cải tạo văn phòng tại Chi nhánh Nguyễn Trãi	110.139.959	441.953.345
Chi phí thuê vị trí quảng cáo	3.262.500.002	3.987.500.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.176.647.390	519.259.550
	5.975.312.801	7.673.967.715

11 . CẦM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC**a) Ngắn hạn**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Đặt cọc thuê cây xanh	3.000.000	3.000.000
Đặt cọc thuê xe ô tô	28.000.000	28.000.000
Đặt cọc dịch vụ cung cấp thông tin năm 2024	34.000.000	34.000.000
	65.000.000	65.000.000

b) Dài hạn

Đặt cọc thuê văn phòng	2.445.689.400	2.822.170.040
Cầm cố, thẻ chấp, ký quỹ, ký cược khác	19.350.000	30.920.000
	2.465.039.400	2.853.090.040

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	599.952.087	599.952.087
	599.952.087	599.952.087

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2025	25.447.203.422	16.063.160.932	222.812.000	1.277.592.377	43.010.768.731
Mua trong kỳ	-	2.811.270.015	-	-	2.811.270.015
Thanh lý, nhượng bán	(2.307.128.547)	(944.422.680)	-	(275.854.777)	(3.527.406.004)
Tại ngày 30/06/2025	23.140.074.875	17.930.008.267	222.812.000	1.001.737.600	42.294.632.742
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2025	19.768.830.478	4.882.429.519	222.812.000	681.832.408	25.555.904.405
Khấu hao trong kỳ	988.060.903	930.680.061	-	84.855.246	2.003.596.210
Thanh lý, nhượng bán	(2.307.128.547)	(114.244.677)	-	(275.854.777)	(2.697.228.001)
Tại ngày 30/06/2025	18.449.762.834	5.698.864.903	222.812.000	490.832.877	24.862.272.614
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2025	5.678.372.944	11.180.731.413	-	595.759.969	17.454.864.326
Tại ngày 30/06/2025	4.690.312.041	12.231.143.364	-	510.904.723	17.432.360.128

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.103.090.877 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định hữu hình này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà
Trung, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Tài sản vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2025	20.529.718.889	4.750.289.608	25.280.008.497
Tại ngày 30/06/2025	20.529.718.889	4.750.289.608	25.280.008.497
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2025	12.055.429.264	4.750.289.608	16.805.718.872
Khấu hao trong kỳ	1.016.051.502	-	1.016.051.502
Tại ngày 30/06/2025	13.071.480.766	4.750.289.608	17.821.770.374
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	8.474.289.625	-	8.474.289.625
Tại ngày 30/06/2025	7.458.238.123	-	7.458.238.123

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.173.884.524 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

15 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	12.253.782.674	12.253.782.674
Tiền lãi phân bổ	7.626.217.326	7.626.217.326
Số dư cuối kỳ	20.000.000.000	20.000.000.000

16 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	45.918.000.000	-	45.918.000.000	-
Vay đối tượng khác	415.292.935.801	949.388.791.683	1.035.441.048.835	329.240.678.649
	461.210.935.801	949.388.791.683	1.081.359.048.835	329.240.678.649
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn			30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Hà Nội (NCB)			-	45.918.000.000
Các khoản vay cá nhân ⁽¹⁾			329.240.678.649	415.292.935.801
			329.240.678.649	461.210.935.801

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

(1) Các Hợp đồng vay cá nhân với hình thức tín chấp có thời hạn không quá 06 tháng, lãi suất 6% - 10,5%/năm nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà
Trung, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

17 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	259.899.520	360.647.780
Phải trả Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	124.629.247	157.422.877
	384.528.767	518.070.657

18 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Hà Nội	760.521.669	760.521.669
Phải trả các đối tượng khác	711.025.181	1.042.585.667
	1.471.546.850	1.803.107.336

20 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.526.291	7.867.379
Thuế Thu nhập cá nhân	1.898.286.670	2.549.614.903
Các loại thuế khác	976.900	1.008.346
	1.900.789.861	2.558.490.628

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

21 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	7.328.838.855	8.210.244.201
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	3.307.434.373	14.589.321.965
	10.636.273.228	22.799.566.166

22 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	30.390.684	30.390.684
Thu hộ tiền đầu tư phải trả cho nhà đầu tư	723.262.050	723.262.050
Các khoản phải trả, phải nộp khác	610.707.661	516.512.791
	1.364.360.395	1.270.165.525

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà
Trung, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

23 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	30/06/2025 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2025 VND
Ông Vũ Mạnh Tiến	9,71	160.000.000.000	9,7	160.000.000.000
Ông Nguyễn Hải Châu	5,25	86.515.600.000	3,9	65.038.400.000
Các cổ đông khác	85,04	1.401.490.580.000	86,3	1.422.967.780.000
	100	1.648.006.180.000	100,0	1.648.006.180.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	301.267.684.538	326.017.771.915
Lợi nhuận chưa thực hiện	19.890.959.141	(6.461.661.745)
	321.158.643.679	319.556.110.170

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối kỳ trước	326.017.771.915	294.718.071.991
Lãi chưa thực hiện tính đến cuối kỳ kế toán	19.890.959.141	6.076.852.430
Lãi/lỗ đã thực hiện năm nay tính từ đầu kỳ	(23.891.235.623)	35.375.538.493
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối kỳ kế toán	302.126.536.292	330.093.610.484
Số trích các quỹ từ lợi nhuận (*)	(858.851.754)	(1.665.650.453)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(858.851.754)	(1.665.650.453)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối kỳ kế toán	301.267.684.538	328.427.960.031

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 như sau:

	Số tiền VND
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	858.851.754

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	1.648.006.180.000	1.648.006.180.000
- Vốn góp cuối kỳ	1.648.006.180.000	1.648.006.180.000

e) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	164.800.618	164.800.618
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	164.800.618	164.800.618
- Cổ phiếu phổ thông	164.800.618	164.800.618
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	164.800.618	164.800.618
- Cổ phiếu phổ thông	164.800.618	164.800.618
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà
Trung, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	318.170.450.000	412.267.100.000
	318.170.450.000	412.267.100.000

25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.530.000	1.530.000
	1.530.000	1.530.000

26 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	236.380.270.000	209.680.270.000
	236.380.270.000	209.680.270.000

27 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐƯỢC HƯỞNG QUYỀN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Công ty	-	280.000
	-	280.000

28 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	2.885.971.700.000	4.115.674.120.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	61.271.000.000	71.291.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	780.299.020.000	826.078.300.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	73.638.960.000	5.687.260.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	42.804.760.000	26.202.170.000
	3.843.985.440.000	5.044.932.850.000

29 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	17.986.520.000	17.986.520.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	150.000.000	150.000.000
	18.136.520.000	18.136.520.000

30 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	122.376.020.000	24.719.800.000
	122.376.020.000	24.719.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà
Trung, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

31 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	126.890.363.736	39.404.195.605
1. Nhà đầu tư trong nước	126.831.916.400	38.972.273.263
2. Nhà đầu tư nước ngoài	58.447.336	431.922.342
Tiền gửi của tổ chức phát hành	1.000.000	1.000.000
2. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	1.000.000	1.000.000
	126.891.363.736	39.405.195.605

32 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	126.890.363.736	39.404.195.605
1.1. Nhà đầu tư trong nước	126.831.916.400	38.972.273.263
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	58.447.336	431.922.342
	126.890.363.736	39.404.195.605

33 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	1.000.000	1.000.000
	1.000.000	1.000.000

34 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	112.806.635.224	203.329.583.793
1.1 Phải trả gốc margin	112.806.635.224	203.329.583.793
Nhà đầu tư trong nước	112.806.635.224	203.329.583.793
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	17.207.889.907	7.462.155.183
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	17.207.889.907	7.462.155.183
Nhà đầu tư trong nước	17.207.889.907	7.462.155.183
	130.014.525.131	210.791.738.976

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

35 . THU NHẬP

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước	
			Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
			VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	74.846.220.970	78.710.136.338	3.725.469.644	(7.589.385.012)	1.253.365.342	(422.375.000)
Trái phiếu niêm yết	224.954.900.000	227.616.400.000	139.200.000	(2.800.700.000)	352.386.220	(29.000.000)
Trái phiếu Chính phủ	-	-	-	-	-	(32.500.000)
Trái phiếu chưa niêm yết	40.690.442.000	40.466.931.600	223.510.400	-	196.962.280.238	-
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	-	25.980.405	-
	340.491.562.970	346.793.467.938	4.088.180.044	(10.390.085.012)	198.594.012.205	(483.875.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà
Trung, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL (*)	8.306.489.715	(119.423.726.851)
Từ các khoản cho vay	10.956.333.523	12.717.410.243
	19.262.823.238	(106.706.316.608)

(*) Số liệu 06 tháng đầu năm 2024 bao gồm khoản thoái dự thu đối với trái tức từ trái phiếu của Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm với số tiền 196,46 tỷ VND khi Công ty bán các trái phiếu này trong năm 2024.

36 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	3.020.279.113	7.501.201.270
	3.020.279.113	7.501.201.270

37 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	1.410.756.318	269.930.446
Doanh thu hoạt động tài chính khác (*)	16.585.892.555	9.722.646.889
	17.996.648.873	9.992.577.335

(*) Khoản lãi chậm trả theo hợp đồng giữa Công ty đối với các đối tác liên quan đến giao dịch bán trái phiếu chậm thanh toán cho Công ty.

38 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	17.046.025.180	14.781.111.254
	17.046.025.180	14.781.111.254

39 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	12.048.711.066	16.366.020.283
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	853.977.500	903.563.030
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.023.520.199	1.163.178.852
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	976.024.654	805.031.819
Chi phí thuế, phí và lệ phí	15.200.000	11.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.609.694.844	8.250.459.729
	22.527.128.263	27.499.253.713

40 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	43.380.134	-
Các khoản bị phạt	181.026.402	-
Các khoản khác	454.892.258	16.722.279
	679.298.794	16.722.279

41 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

41.1 . Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.049.540.484	40.006.927.223
Các khoản điều chỉnh tăng	66.125.370.687	11.465.456.638
- Chi phí không hợp lệ	450.397.239	270.274.683
- Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính	50.888.725.737	11.195.181.955
- Trích lập dự phòng tổn thất các khoản phải thu khó đòi	14.786.247.711	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(95.480.247.536)	(8.101.143.555)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(5.110.251.400)	(539.932.192)
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính	(83.829.501.844)	(7.132.930.563)
- Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản phải thu khó đòi	(6.540.494.292)	(428.280.800)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(20.305.336.365)	43.371.240.306
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	8.674.248.061
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước	-	19.392.061
vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(599.952.087)	6.118.407.944
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(9.871.997.964)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	(599.952.087)	4.940.050.102

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà
Trung, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

41.2 . Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	1.129.215.485
	-	1.129.215.485
	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tạm thời chịu thuế	5.458.939.736	-
	5.458.939.736	-
	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2025	2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	6.588.155.221	(812.450.277)
	6.588.155.221	(812.450.277)

44 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2025	2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	2.461.385.263	32.125.737.378
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.461.385.263	32.125.737.378
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	164.800.618	164.800.618
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15	195

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

45 . QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	777.829.850.520	-	-	777.829.850.520
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	30.310.000.000	-	-	30.310.000.000
	808.139.850.520	-	-	808.139.850.520
Tại ngày 01/01/2025				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	825.915.640.750	-	-	825.915.640.750
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	30.310.000.000	-	-	30.310.000.000
	856.225.640.750	-	-	856.225.640.750

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà
Trung, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền	58.117.057.914	-	-	58.117.057.914
Các khoản cho vay	110.454.877.776	-	-	110.454.877.776
Các khoản phải thu	1.254.511.817.594	2.465.039.400	-	1.256.976.856.994
	<u>1.423.083.753.284</u>	<u>2.465.039.400</u>	<u>-</u>	<u>1.425.548.792.684</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	107.582.726.345	-	-	107.582.726.345
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	201.976.845.040	-	-	201.976.845.040
Các khoản phải thu	1.234.662.275.459	2.853.090.040	-	1.237.515.365.499
	<u>1.544.221.846.844</u>	<u>2.853.090.040</u>	<u>-</u>	<u>1.547.074.936.884</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Vay và nợ	329.240.678.649	-	-	329.240.678.649
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	3.220.436.012	-	-	3.220.436.012
Chi phí phải trả	10.636.273.228	-	-	10.636.273.228
	<u>343.097.387.889</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>343.097.387.889</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà
Trung, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	461.210.935.801	-	-	461.210.935.801
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	3.591.343.518	-	-	3.591.343.518
Chi phí phải trả	22.799.566.166	-	-	22.799.566.166
	487.601.845.485	-	-	487.601.845.485

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

46 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

47 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Hoạt động cho vay và ứng trước tiền bán	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	8.487.532.145	96.224.171.603	10.956.333.523	2.049.102.545	117.717.139.816
Chi phí hoạt động	11.269.269.691	61.665.024.635	8.245.753.419	5.244.481.973	86.424.529.718
Doanh thu không phân bổ					17.996.648.873
Chi phí không phân bổ					39.573.153.443
Kết quả hoạt động	(2.781.737.546)	34.559.146.968	2.710.580.104	(3.195.379.428)	9.716.105.528
Tài sản bộ phận trực tiếp	21.833.995.608	2.062.554.332.574	110.454.877.776	-	2.194.843.205.958
Tài sản không phân bổ					135.208.344.712
Tổng tài sản	21.833.995.608	2.062.554.332.574	110.454.877.776	-	2.330.051.550.670
Nợ phải trả bộ phận trực	384.528.767	6.219.461.405	-	1.211.900.000	7.815.890.172
Nợ phải trả không phân bổ					353.070.836.819
Tổng nợ phải trả	384.528.767	6.219.461.405	-	1.211.900.000	360.886.726.991

Theo khu vực địa lý

Do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

48 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần G-AutoMobile	Ông Lê Minh Khuê - Nguyên Phó Tổng Giám đốc của Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty này từ ngày 12 tháng 10 năm 2024 đến ngày 19 tháng 04 năm 2025
Công ty Cổ phần Công nghiệp chế tạo ô tô Hồng Đức	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty này (miễn nhiệm 24/03/2025)
Công ty Cổ phần Sản xuất ô tô Hồng Đức	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty này; (miễn nhiệm 24/03/2025)
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư và Chia sẻ	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty này cho tới ngày 24 tháng 7 năm 2024
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gami	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty này cho tới ngày 19 tháng 7 năm 2024
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này; Ông Vũ Mạnh Tiến - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Ông Lê Minh Khuê - Nguyên Phó Tổng Giám đốc của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty này
Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành	Ông Lê Minh Khuê - Nguyên Phó Tổng Giám đốc của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty này
Quỹ đầu tư khám phá giá trị Việt Nam	Ông Lê Minh Khuê - Nguyên Phó Tổng Giám đốc của Công ty đồng thời là chủ tịch ban đại diện của quỹ này (miễn nhiệm ngày 25/04/2025)
Công ty TNHH KY Consultant	Bà Đỗ Thị Hồng Hải - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên góp vốn của công ty này cho tới ngày 30 tháng 8 năm 2024; Ông Trần Đình Cường - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên góp vốn, Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc công ty này cho tới ngày 30 tháng 8 năm 2024
Công ty Cổ phần Gami Hospitality	Cùng chung Thành viên Hội đồng quản trị là ông Trần Đình Cường và ông Nguyễn Xuân Hà, ông Nguyễn Xuân Hà cũng là Phó Tổng Giám đốc công ty này
Công ty TNHH Đầu tư G-HOLDING	Ông Trần Đình Cường - Nguyên thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là người đại diện theo pháp luật, chủ sở hữu công ty này
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Phú Bình	Cùng chung Thành viên Hội đồng quản trị là ông Nguyễn Xuân Hà- Nguyên thành viên Hội đồng quản trị Công ty
Công ty Cổ phần Viện Phát triển trí tuệ Toàn Diện	Ông Nguyễn Xuân Hà - Nguyên thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật công ty này
Công ty Cổ phần Gami Hội An	Ông Nguyễn Xuân Hà - Nguyên thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này (miễn nhiệm chức danh Chủ tịch ngày 29 tháng 11 năm 2024 và vẫn là Thành viên Hội đồng quản trị)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà
Trung, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Ký ức Hội An	Ông Nguyễn Xuân Hà - Nguyên thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật công ty này
Công ty Cổ phần Điện tử - Ảnh màu Nha Trang	Bà Đỗ Thị Hồng Hải - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Giám đốc của công ty này đến tháng 03/2025
Công ty Cổ phần Truyền thông Vọng Đức	Ông Ngô Thanh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của công ty này
Công ty Luật TNHH Một thành viên M&A	Ông Hoàng Đôn Hùng - Nguyên Thành viên Hội đồng quản trị là chủ sở hữu và là người đại diện theo pháp luật công ty này
Công ty Cổ phần Tư vấn B'Lao	Ông Hoàng Đôn Hùng - Nguyên Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị công ty này
Công ty Cổ phần Xây Lắp SRE	Ông Hoàng Đôn Hùng - Nguyên Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Trưởng ban kiểm soát công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư tài sản Koji	Ông Nguyễn Phi Long - Phó Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị công ty này
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco (PBC)	Ông Nguyễn Đình Tuấn (Thành viên độc lập HĐQT Công ty CP Chứng khoán EVS) là Chủ tịch HĐQT tại PBC

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban
Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công
ty và người có liên quan của các cá nhân này

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	5.782.337	3.894.230
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gami	2.119.184	2.122.848
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	-	50.000.000
Công ty TNHH KY Consultant	29.797.416	29.962.043
Công ty TNHH Đầu tư G-HOLDING	2.236.472	2.240.784

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	37.400.000	-
Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	50.000.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Ông Nguyễn Hải Châu	209.226.000	1.000.835.000
Bà Đỗ Thị Hồng Hải	114.800.000	374.000.000
Bà Vũ Hải Anh	40.000.000	202.000.000
Ông Vũ Mạnh Tiến	40.000.000	202.000.000
Ông Nguyễn Thành Chung	36.000.000	206.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Hai Bà
Trung, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ông Trần Đình Cường	-	90.000.000
Ông Hoàng Đôn Hùng	59.400.000	130.000.000
Ông Ngô Thanh Tùng	24.000.000	19.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hà	-	19.000.000
Tạm ứng		
Ông Nguyễn Thành Chung	50.000.000	52.825.862

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.657.140.000	1.568.160.000
Ông Vũ Mạnh Tiến - Thành viên Hội đồng quản trị	260.000.000	240.000.000
Bà Vũ Hải Anh - Thành viên Hội đồng quản trị	549.854.545	531.900.000
Bà Đỗ Thị Hồng Hải - Thành viên Hội đồng quản trị	436.000.000	480.000.000
Ông Hoàng Đôn Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị	324.000.000	480.000.000
Ông Ngô Thanh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị	394.357.143	320.030.000
Ông Trần Đình Cường - Thành viên Hội đồng quản trị	162.000.000	240.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hà - Thành viên Hội đồng quản trị	36.818.182	60.000.000
Ông Phạm Hồng Minh - Thành viên Hội đồng quản trị, Nguyên Tổng Giám đốc	357.061.692	1.244.496.000
Ông Nguyễn Thành Chung - Thành viên Hội đồng quản trị, Nguyên Tổng Giám đốc	147.272.727	240.000.000
Bà Ngô Thị Thu Hương - Nguyên Phó Tổng Giám đốc	-	628.079.130
Ông Lê Minh Khuê - Phó Tổng Giám đốc	272.989.394	547.200.000
Ông Nguyễn Phi Long - Phó Tổng Giám đốc	311.159.091	547.200.000
Ông Nguyễn Thanh Hải - Tổng Giám đốc	1.500.000.000	

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

49 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

Bùi Thị Yên
Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thanh Hằng
Giám đốc tài chính
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025